

CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐẦU
TƯ TÀI
CHÍNH
THƯƠNG
MẠI DỊCH VỤ
FICO

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
DN:
OID.0.9.2342.19200300.100.1.
1=MST:0102290682,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU
TƯ TÀI CHÍNH THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ FICO, C=VN
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location
here
Date: 2020-05-08 14:03:22
Foxit Reader Version: 9.5.0

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH,
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
đã được kiểm toán*



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 - 30
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 30

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính, Thương mại Dịch vụ FICO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính, Thương mại Dịch vụ FICO được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102290682 ngày 07 tháng 6 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là:

- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của động cơ khai thác than;
- Bán buôn thiết bị phục vụ trong công tác an ninh, quản lý phạm nhân;
- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tiến Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Cúc	Ủy viên

GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Giám đốc
Bà Nguyễn Hương Huyền	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Báo cáo của Giám đốc (tiếp theo)

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2018

Giám đốc



Nguyễn Tuấn Anh

Số: 158./2018/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
FICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính, Thương mại Dịch vụ FICO, được lập ngày 23 tháng 4 năm 2018, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Chúng tôi không được cung cấp hồ sơ, chứng từ làm căn cứ ghi tăng chi phí thực hiện dự án Tổ hợp nhà ở, trung tâm thương mại, siêu thị và văn phòng tại lô đất A7/CC2 - Khu đô thị Nam Trung Yên, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội số tiền là 54.980.508.181 đồng. Đồng thời, toàn bộ chi phí thực hiện dự án Tổ hợp nhà ở, trung tâm thương mại, siêu thị và văn phòng tại lô đất A7/CC2 - Khu đô thị Nam Trung Yên, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội không tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết ngày 31/8/2017 của Hội đồng quản trị vào giá gốc khoản đầu tư vào Công ty TNHH Phát triển địa ốc Hải Phong, số tiền là 61.335.392.844 đồng. Nếu khoản chi phí nêu trên được ghi ghi nhận phù hợp thì trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, chỉ tiêu "Chi phí khác" sẽ tăng thêm 61.335.392.844 đồng, chỉ tiêu "Doanh thu hoạt động tài chính", mục "Lãi bán các khoản đầu tư" sẽ giảm đi tương ứng. Chúng tôi không thể xác định được tính trung thực, hợp lý của khoản chi phí thực hiện dự án không được cung cấp hồ sơ nêu trên và ảnh hưởng của nó đến khoản mục thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ và các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư khoản cho bà Phạm Hải Yến vay ngắn hạn là 20.122.000.000 đồng. Đây là khoản cho vay kỳ hạn 03 tháng được điều chuyển công nợ tạm ứng phát sinh từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2010 theo Biên bản làm việc giữa Công ty và bà Phạm Hải Yến ngày 28/02/2017 (bà Phạm Hải Yến đã nghỉ việc từ ngày 01/4/2016). Đến 31 tháng 12 năm 2017, khoản vay này đã quá hạn thanh toán. Công ty đã thực hiện trích dự phòng nợ phải thu khó đòi 30% giá trị cho vay tương ứng là 6.036.600.000 đồng. Đồng thời, khoản cho vay nêu trên cũng chưa được đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 31/12/2017. Do vậy, chúng tôi không đánh giá được khả năng thu hồi của khoản cho vay nêu trên cũng như không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết khác có liên quan trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2017 của Công ty.

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-028) 3910 4881 * Fax: (84-028) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

Glosbe 07 TT2/96B Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan, Ha Noi
Tel: (84-24) 3994 7969 * Fax: (84-24) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

- Chúng tôi không được cung cấp kế hoạch chi tiết tạm ứng được phê duyệt cũng như kế hoạch quyết toán của sổ dư đến 31/12/2017 một số khoản phải thu khác về tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên của Công ty với số tiền là **10.057.043.727** đồng (chi tiết tại thuyết minh số V.04). Đồng thời, chúng tôi không thu thập được bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để khẳng định mục đích sử dụng khoản tạm ứng này dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do vậy, chúng tôi không đưa ra được ý kiến về mục đích tạm ứng, không đánh giá được khả năng liệu có phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của khoản tạm ứng nêu trên cũng như không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết khác có liên quan trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2017 của Công ty.
- Khoản công nợ phải trả người bán Công ty Yunan machinery IMP&EXP Company tại ngày 31/12/2017, số tiền là 23.396.527.950 đồng (1.032.503,44 USD) và công nợ phải trả ngắn hạn khác liên quan đến dự án Ao Sào, số tiền là 1.600.000.000 đồng chưa được đối chiếu xác nhận với các đối tượng có liên quan. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của sổ dư các khoản công nợ nêu trên. Do vậy, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với sổ dư các khoản công nợ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2018

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



Bùi Thị Ngọc Lân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2018-152-1

Kiểm toán viên

Trần Thị Mai

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2510-2018-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		80.458.192.474	109.382.926.429
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.067.753.799	6.020.253.897
1.	Tiền	111	V.01	6.067.753.799	6.020.253.897
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		65.712.798.513	99.253.901.439
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	33.616.830.263	2.910.829.991
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.426.974.700	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	20.122.000.000	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	16.583.593.550	96.343.071.448
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(6.036.600.000)	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		1.370.900.000	2.785.000.000
1.	Hàng tồn kho	141	V.07	1.370.900.000	2.785.000.000
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		7.306.740.162	1.323.771.093
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	445.870.573	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.739.073.762	1.201.975.266
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	121.795.827	121.795.827
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.816.459.610	18.652.095.326
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		38.000.000	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	38.000.000	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		1.707.879.683	3.098.635.561
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	1.707.879.683	3.098.635.561
	- Nguyên giá	222		2.287.325.510	4.482.139.772
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(579.445.827)	(1.383.504.211)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.10	7.070.579.927	7.070.579.927
	- Nguyên giá	231		7.070.579.927	7.070.579.927
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	-	3.993.094.838
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	3.993.094.838
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	-	4.482.220.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	4.482.220.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		-	7.565.000
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	-	7.565.000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		89.274.652.084	128.035.021.755

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		41.389.414.474	76.024.074.467
I.	Nợ ngắn hạn	310		41.389.414.474	49.024.074.467
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	31.953.936.963	33.790.282.378
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		698.000.000	711.787.800
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	41.135.255	37.775.955
4.	Phải trả người lao động	314		-	-
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	-	71.698.817
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	7.180.811.298	12.434.935.935
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	1.085.100.000	1.436.700.000
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		430.430.958	540.893.582
II.	Nợ dài hạn	330		-	27.000.000.000
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.16	-	27.000.000.000
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		47.885.237.610	52.010.947.288
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.17	47.885.237.610	52.010.947.288
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		55.120.000.000	55.120.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		55.120.000.000	55.120.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		4.103.472.704	4.103.472.704
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(11.338.235.094)	(7.212.525.416)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(7.212.525.416)	(4.375.248.994)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(4.125.709.678)	(2.837.276.422)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		89.274.652.084	128.035.021.755

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Hương Huyền

Nguyễn Hương Huyền

Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	17.102.049.181	45.211.118.178
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		17.102.049.181	45.211.118.178
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	16.405.544.282	43.092.037.321
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		696.504.899	2.119.080.857
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	10.766.055.256	142.994.460
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	272.205.829	2.669.129.900
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		173.077.554	346.976.745
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	70.461.818	213.982.727
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	12.693.952.049	2.243.023.718
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.574.059.541)	(2.864.061.028)
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	1.745.633.894	483.812.431
12.	Chi phí khác	32	VI.06	4.297.284.031	457.027.825
13.	Lợi nhuận khác	40		(2.551.650.137)	26.784.606
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4.125.709.678)	(2.837.276.422)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(4.125.709.678)	(2.837.276.422)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	(748)	(515)
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.09	(748)	(515)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2018

Giám đốc





Nguyễn Hương Huyền

Nguyễn Hương Huyền

Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		(4.125.709.678)	(2.837.276.422)
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		96.252.049	143.009.256
-	Các khoản dự phòng	03		6.036.600.000	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		42.962.638	187.565.585
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.508.889.150)	(227.641.041)
-	Chi phí lãi vay	06		173.077.554	346.976.745
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(10.285.706.587)	(2.387.365.877)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		73.551.404.430	18.337.960.556
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.414.100.000	(2.785.000.000)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(34.215.560.007)	2.718.929.087
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(438.305.573)	11.314.972
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(173.077.554)	(346.976.745)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(110.462.624)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		29.742.392.085	15.548.861.993
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(57.129.433.010)	(11.780.681.592)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		2.827.272.727	590.909.091
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.122.000.000)	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(90.000.000.000)	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		135.077.224.155	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.643.945	115.428.610
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(29.343.292.183)	(11.074.343.891)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		3.222.975.650	14.408.611.910
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.574.575.650)	(13.273.976.810)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(690.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(351.600.000)	444.635.100
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		47.499.902	4.919.153.202
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		6.020.253.897	1.101.100.695
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		6.067.753.799	6.020.253.897

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2018

Giám đốc



Nguyễn Hương Huyền

Nguyễn Hương Huyền

Nguyễn Tuấn Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và thương mại.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là:

- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của động cơ khai thác than;
- Bán buôn thiết bị phục vụ trong công tác an ninh, quản lý phạm nhân;
- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 08 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	16.583.593.550	-	96.343.071.448	-
- Tạm ứng	1.684.930.934	-	1.561.600.820	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.740.750	-	-	-
- Phải thu khác	14.896.921.866	-	94.781.470.628	-
+ Tổng Công ty Đầu tư hạ tầng và đô thị Viglacera	3.898.734.610	-	9.292.434.213	-
+ Các khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	10.057.043.727	-	84.542.510.000	-
➢ Bà Bùi Hải Yến	-	-	20.122.000.000	-
➢ Ông Nguyễn Thanh Tú	5.157.043.727	-	56.648.510.000	-
➢ Ông Bùi Quang Thiệp	-	-	6.772.000.000	-
➢ Ông Nguyễn Bá Tuấn	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
➢ Ông Nguyễn Đình Thê	3.900.000.000	-	-	-
+ Các khoản phải thu khác	941.143.529	-	946.526.415	-
b. Dài hạn	38.000.000	-	-	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	38.000.000	-	-	-
Cộng	16.621.593.550	-	96.343.071.448	-

05. Phải thu về cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	20.122.000.000	6.036.600.000	-	-
- Bà Bùi Hải Yến	20.122.000.000	6.036.600.000	-	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	20.122.000.000	6.036.600.000	-	-

06. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Bà Bùi Hải Yến	20.122.000.000	14.085.400.000	-	-
Cộng	20.122.000.000	14.085.400.000	-	-

07. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hoá	1.370.900.000	-	2.785.000.000	-
Cộng	1.370.900.000	-	2.785.000.000	-

08. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Xây dựng cơ bản	-	3.993.094.838
Cộng	-	3.993.094.838

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.396.624.262	3.014.740.000	70.775.510	4.482.139.772
- Mua trong năm	-	-	57.070.000	57.070.000
- Thanh lý, nhượng bán	(1.396.624.262)	(855.260.000)	-	(2.251.884.262)
Số dư cuối năm	-	2.159.480.000	127.845.510	2.287.325.510
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	827.396.058	485.332.643	70.775.510	1.383.504.211
- Khấu hao trong năm	22.126.883	341.206.662	2.853.500	366.187.045
- Thanh lý, nhượng bán	(849.522.941)	(320.722.488)	-	(1.170.245.429)
Số dư cuối năm	-	505.816.817	73.629.010	579.445.827
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	569.228.204	2.529.407.357	-	3.098.635.561
2. Tại ngày cuối năm	-	1.653.663.183	54.216.500	1.707.879.683

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 70.775.510 đồng.

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 2.159.480.000 đồng và 1.656.066.746 đồng đã được thể chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Thăng Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá	7.070.579.927	-	-	7.070.579.927
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	7.070.579.927	-	-	7.070.579.927
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
II. Tồn thất do suy giảm giá trị	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại	7.070.579.927	-	-	7.070.579.927
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	7.070.579.927	-	-	7.070.579.927
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 - "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

11. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	445.870.573	-
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	342.000.000	-
- Chi phí sửa chữa văn phòng	99.098.300	-
- Các khoản khác	4.772.273	-
b. Dài hạn	-	7.565.000
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	7.565.000
Cộng	445.870.573	7.565.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	1.436.700.000	1.436.700.000	3.222.975.650	3.574.575.650	1.085.100.000	1.085.100.000
- Vay ngân hàng	1.436.700.000	1.436.700.000	3.222.975.650	3.574.575.650	1.085.100.000	1.085.100.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long (*)	1.436.700.000	1.436.700.000	3.222.975.650	3.574.575.650	1.085.100.000	1.085.100.000
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	1.436.700.000	1.436.700.000	3.222.975.650	3.574.575.650	1.085.100.000	1.085.100.000

(*) : Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 14761.16.054.571.327.TD ngày 22 tháng 4 năm 2016 ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính, Thương mại Dịch vụ FICO với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Thăng Long. Hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 VND với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh thiết bị ngành than, thời hạn 12 tháng, lãi suất 8,5%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng xe Mitsubishi Pajero BKS 30E-021.96 thuộc sở hữu của Công ty và biệt thự BT 2.15 - Khu đô thị Tây Mỗ, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội thuộc sở hữu của ông Nguyễn Bá Tuấn và bà Nguyễn Thị Khánh Chi.

13. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Nợ quá hạn thanh toán	Giá trị	Nợ quá hạn thanh toán
a. Phải trả người bán ngắn hạn	31.953.936.963	23.396.527.950	33.790.282.378	23.437.828.088
- Công ty Yunan machinery IMP&EXP Company	23.396.527.950	23.396.527.950	23.437.828.088	23.437.828.088
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Đại An Phát	1.918.100.000	-	2.168.100.000	-
- Công ty Cổ phần Tre Việt	1.259.532.500	-	3.777.927.874	-
- Công ty TNHH May thương mại Thanh Trình	2.089.900.000	-	2.829.900.000	-
- Công ty HH Thương mại quốc tế Lianyun Zhongji Quảng Tây	2.470.790.000	-	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	819.086.513	-	1.576.526.416	-
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	31.953.936.963	23.396.527.950	33.790.282.378	23.437.828.088

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	440.706.050	440.706.050	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	121.795.827	-	-	-	121.795.827	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	37.775.955	44.001.727	40.642.427	-	41.135.255
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	121.795.827	37.775.955	487.707.777	484.348.477	121.795.827	41.135.255

Đơn vị tính: VND

15. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Chi phí phải trả ngắn hạn	-	71.698.817
- Chi phí lãi vay	-	-
- Chi phí phải trả khác	-	71.698.817
b. Chi phí phải trả dài hạn	-	-
Cộng	-	71.698.817

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	7.180.811.298	12.434.935.935
- Kinh phí công đoàn	155.741.318	168.885.955
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	2.622.200.000	2.828.050.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.402.869.980	9.437.999.980
+ Phải trả tiền thu của khách hàng từ dự án Ao Sào	1.600.000.000	3.200.000.000
+ Thù lao HĐQT và BKS	721.256.980	832.256.980
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phát	1.060.870.000	3.835.000.000
+ Ông Nguyễn Bá Tuấn	-	550.000.000
+ Bà Đỗ Thị Tâm	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Phải trả khác	20.743.000	20.743.000
b. Dài hạn	-	27.000.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	27.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phát	-	27.000.000.000
Cộng	7.180.811.298	39.434.935.935

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	55.120.000.000	4.103.472.704	(4.375.248.994)	54.848.223.710
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi/(Lỗ) trong năm trước	-	-	(2.837.276.422)	(2.837.276.422)
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	55.120.000.000	4.103.472.704	(7.212.525.416)	52.010.947.288
Số dư đầu năm nay				
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi/(Lỗ) trong năm nay	-	-	(4.125.709.678)	(4.125.709.678)
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	55.120.000.000	4.103.472.704	(11.338.235.094)	47.885.237.610

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>%</u>
Vốn góp của các cổ đông	55.120.000.000	100	55.120.000.000	100
Cộng	55.120.000.000	100	55.120.000.000	100

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 306.000.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến 31/12/2017 là: 55.120.000.000 đồng

Vốn điều lệ góp thiếu là: 250.880.000.000 đồng

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	55.120.000.000	55.120.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	55.120.000.000	55.120.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.600.000	30.600.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.512.000	5.512.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.512.000</i>	<i>5.512.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.512.000	5.512.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.512.000</i>	<i>5.512.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	4.103.472.704	4.103.472.704
Cộng	4.103.472.704	4.103.472.704

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	8.918.518.181	28.258.194.634
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	8.183.531.000	16.952.923.544
Cộng	17.102.049.181	45.211.118.178

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	8.481.978.682	26.764.512.248
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	7.923.565.600	16.327.525.073
Cộng	16.405.544.282	43.092.037.321

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.643.945	115.428.610
- Lãi bán các khoản đầu tư	10.759.611.311	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá	2.800.000	27.565.850
Cộng	10.766.055.256	142.994.460

04. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	173.077.554	346.976.745
- Lãi trả chậm	-	2.100.000.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	99.128.275	222.153.155
Cộng	272.205.829	2.669.129.900

05. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.745.633.894	112.212.431
- Nợ không phải trả	-	304.000.000
- Các khoản khác	-	67.600.000
Cộng	1.745.633.894	483.812.431

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản bị phạt	3.584.428	2.573.371
- Chi phí không phục vụ hoạt động kinh doanh	-	454.454.454
- Lợi nhuận hợp tác kinh doanh trong các năm trước điều chỉnh giảm	4.293.699.603	-
Cộng	4.297.284.031	457.027.825

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	12.693.952.049	2.243.023.718
- Chi phí nhân viên quản lý	1.012.116.135	839.746.028
- Chi phí khấu hao TSCĐ	94.666.771	143.009.256
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.449.159.198	111.324.153
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	101.409.945	1.148.944.281
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	70.461.818	213.982.727
- Chi phí khác bằng tiền	70.461.818	213.982.727
Cộng	12.764.413.867	2.457.006.445

08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(4.125.709.678)	(2.837.276.422)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.125.709.678)	(2.837.276.422)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.512.000	5.512.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(748)	(515)

09. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(4.125.709.678)	(2.837.276.422)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.125.709.678)	(2.837.276.422)
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	-	-
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	5.512.000	5.512.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(748)	(515)

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	1.012.116.135	839.746.028
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	94.666.771	143.009.256
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.443.186.616	16.581.507.800
- Chi phí khác bằng tiền	101.409.945	1.220.268.434
- Chi phí dự phòng	6.036.600.000	-
Cộng	20.687.979.467	18.784.531.518

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, phụ cấp	554.691.622	566.379.000
Cộng	554.691.622	566.379.000

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của động cơ khai thác than; Kinh doanh thiết bị phục vụ trong công tác an ninh.
- Lĩnh vực xây dựng: xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Thương mại	Xây dựng	Đầu tư kinh doanh bất động sản	Đầu tư tài chính	Cộng
Năm nay					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	8.918.518.181	8.183.531.000	-	10.759.611.311	27.861.660.492
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	11.863.982.231	11.139.623.001	3.216.057.401	3.216.057.401	29.435.720.033
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(2.945.464.050)	(2.956.092.001)	(3.216.057.401)	7.543.553.910	(1.574.059.541)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	14.250.000	14.250.000	57.086.613.010	14.250.000	57.129.363.010
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	24.063.012	24.063.012	24.063.012	24.063.012	96.252.048
Số dư cuối năm					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	10.295.583.312	6.751.778.349	13.822.358.275	52.337.178.349	83.206.898.285
- Tài sản không phân bổ					6.067.753.799
Tổng tài sản	10.295.583.312	6.751.778.349	13.822.358.275	52.337.178.349	89.274.652.084
- Nợ phải trả bộ phận	39.699.451.016	1.259.532.500	-	-	40.958.983.516
- Nợ phải trả không phân bổ					430.430.958
Tổng nợ phải trả	39.699.451.016	1.259.532.500	-	-	41.389.414.474

Khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.067.753.799	-	6.020.253.897	-	6.067.753.799	6.020.253.897
Phải thu về cho vay	20.122.000.000	(6.036.600.000)	-	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	48.513.752.129	-	97.692.300.619	-	48.513.752.129	97.692.300.619
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	4.482.220.000	-	-	4.482.220.000
Cộng	74.703.505.928	(6.036.600.000)	108.194.774.516	-	54.581.505.928	108.194.774.516

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	31.953.936.963	33.790.282.378	31.953.936.963	33.790.282.378
Vay và nợ	1.085.100.000	1.436.700.000	1.085.100.000	1.436.700.000
Chi phí phải trả	-	71.698.817	-	71.698.817
Các khoản phải trả khác	4.402.869.980	36.437.999.980	4.402.869.980	36.437.999.980
Cộng	37.441.906.943	71.736.681.175	37.441.906.943	71.736.681.175

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**04. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	31.953.936.963	-	-	31.953.936.963
Vay và nợ	1.085.100.000	-	-	1.085.100.000
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	4.402.869.980	-	-	4.402.869.980
Cộng	37.441.906.943	-	-	37.441.906.943
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	33.790.282.378	-	-	33.790.282.378
Vay và nợ	1.436.700.000	-	-	1.436.700.000
Chi phí phải trả	71.698.817	-	-	71.698.817
Các khoản phải trả khác	9.437.999.980	27.000.000.000	-	36.437.999.980
Cộng	44.736.681.175	27.000.000.000	-	71.736.681.175

06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

07. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

08. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Hương Huyền

Nguyễn Hương Huyền

Nguyễn Tuấn Anh